

Giá chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ) ngày 31/08/2026

11.841,33 VND

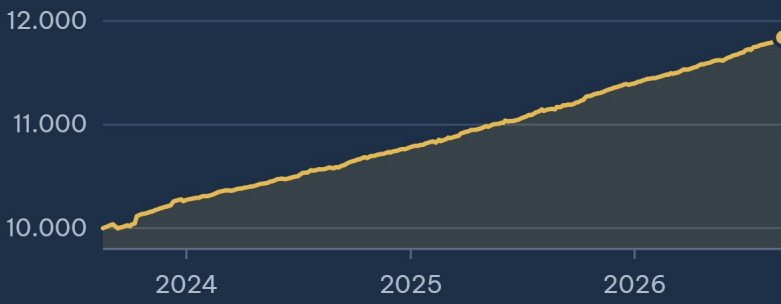
+18,41%

từ khi thành lập (18/08/2023)

+3,90%

từ đầu năm 2026

Giá CCQ từ khi thành lập (VND)



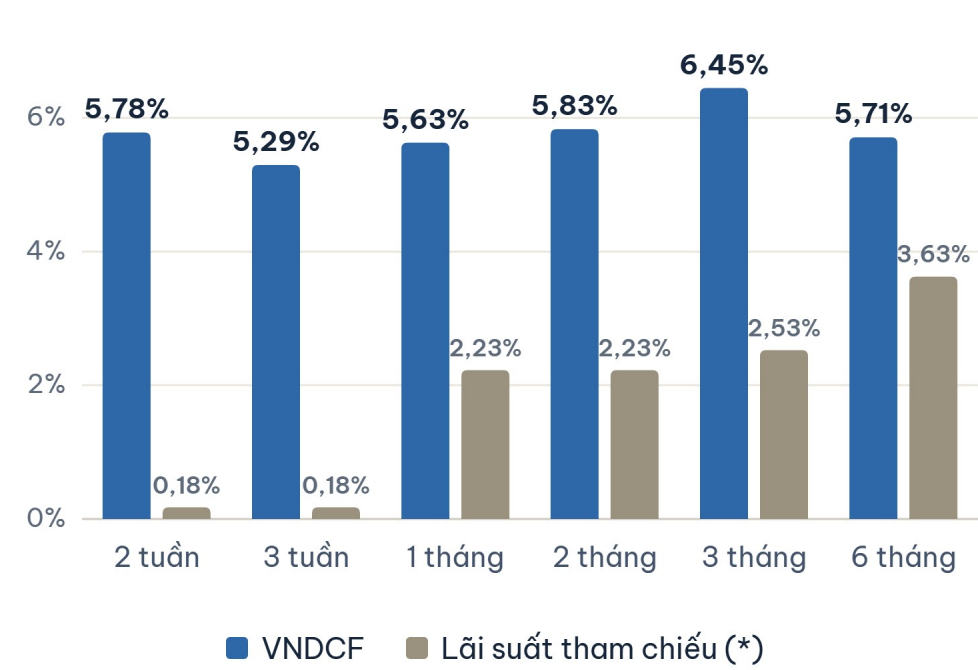
Hiệu quả đầu tư thực tế

Kỳ hạn	2 tuần	3 tuần	1 tháng	2 tháng	3 tháng	6 tháng
NAV/CCQ (VND)	11.802,99	11.793,12	11.772,50	11.712,02	11.637,93	11.494,40
Tăng trưởng NAV/CCQ	0,32%	0,41%	0,58%	1,10%	1,75%	3,02%
Phí bán	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
Thuế thu nhập cá nhân	0,10%	0,10%	0,10%	0,10%	0,10%	0,10%
Lợi suất của NĐT (sau khi trừ thuế và phí)	0,22%	0,31%	0,48%	1,00%	1,65%	2,92%
Lợi suất của NĐT quy năm (sau khi trừ thuế và phí)	5,78%	5,29%	5,63%	5,83%	6,45%	5,71%
Lãi suất tham chiếu (*)	0,18%	0,18%	2,23%	2,23%	2,53%	3,63%

(*) Lãi suất tiết kiệm theo năm trung bình của 4 NH TMCP nhà nước

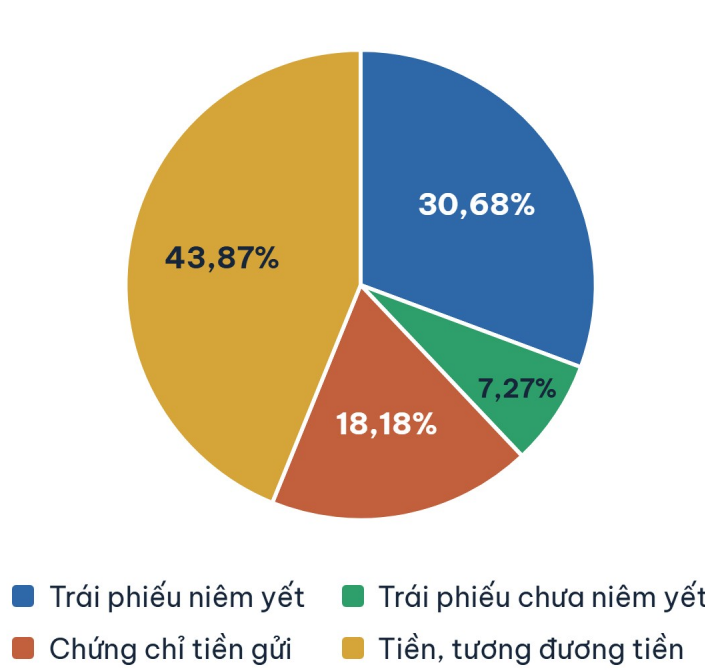
So với lãi suất tham chiếu

Lợi suất của NĐT theo năm, sau khi trừ thuế và phí



Phân bổ tài sản

Tỷ trọng tại ngày 31/08/2026



5 khoản đầu tư lớn nhất

Tổng tỷ lệ nắm giữ: 41,03%

1	CVT122009 Công ty Cổ phần CMC ● Trái phiếu niêm yết	16,36%
2	NLG12501 Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long ● Trái phiếu riêng lẻ	7,27%
3	EVFCO1125004 Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực ● Chứng chỉ tiền gửi	6,36%
4	VHM121025 Công ty Cổ phần Vinhomes ● Trái phiếu niêm yết	5,73%
5	VBA123036 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam ● Trái phiếu niêm yết	5,30%

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LINH HOẠT VND

Diễn biến lãi suất

Lãi suất điều hành của các ngân hàng trung ương lớn

Lãi suất chính sách hiện hành

FED · Mỹ 3,50–3,75% Giữ nguyên lần thứ 5 liên tiếp	ECB · Châu Âu 2,50% Tăng lần 2 trong năm	BOE · Anh 3,75% Giữ nguyên từ 30/7 Chưa có kế hoạch tăng	BOJ · Nhật Bản 1,00% Điều chỉnh 6/2026 Dự kiến tăng thêm 0,25%	PBOC · Trung Quốc 3,00–3,50% LPR 1 năm – 5 năm
---	---	---	---	---

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) giữ nguyên lãi suất mục tiêu 3,50-3,75% tại cuộc họp 29/7/2026 (lần thứ 5 liên tiếp). FED sẽ đưa ra quyết định lãi suất sau cuộc họp chính sách kéo dài hai ngày 15-16/9, theo khảo sát mới nhất trên CME FedWatch, thị trường đang định giá xác suất hơn 90% FED tăng lãi suất 0,25%. Nhiều nhà hoạch định chính sách lo ngại rằng, nếu lạm phát tiếp tục duy trì ở mức cao kéo dài như hiện nay, cái giá phải trả để đưa nền kinh tế về quỹ đạo ổn định sẽ càng lớn.

Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) ngày 10/9 đã tăng lãi suất lần thứ hai trong năm nay trong bối cảnh giá năng lượng tăng mạnh do căng thẳng tại Trung Đông khiến triển vọng lạm phát của Eurozone xấu đi, cụ thể ECB đã tăng lãi suất 0,25% lên mức 2,5%, cao nhất kể từ tháng 4/2025. Đồng thời ECB đang chuẩn bị cho kịch bản lạm phát duy trì ở những mức cao hơn mục tiêu trong thời gian lâu hơn, có thể kéo dài trong năm 2027; tuy nhiên trước báo giới, Chủ tịch ECB bà Lagarde tránh bình luận về kỳ vọng của thị trường đối với các đợt thay đổi lãi suất tiếp theo mà quyết định sẽ được đưa ra tại từng cuộc họp dựa trên dữ liệu mới.

Ngân hàng Trung ương Anh (BOE) quyết định giữ nguyên lãi suất cơ bản ở mức 3,75% từ 30/07 đến nay, đồng thời phát đi cảnh báo lạm phát sẽ tăng trở lại do cuộc xung đột giữa Mỹ và Iran tiếp tục đẩy giá năng lượng lên cao. Tuy nhiên Thống đốc BOE Andrew Bailey cho biết cơ quan này chưa có kế hoạch tăng lãi suất trong năm nay, trừ khi đà tăng giá dầu hiện tại chuyển hóa thành áp lực giá cả nội địa dai dẳng hơn.

Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) hiện áp dụng lãi suất 1% đối với tiền gửi tại ngân hàng trung ương, sau lần điều chỉnh gần nhất vào tháng 6/2026. Theo dự báo trong cuộc khảo sát của CNBC, thực hiện từ ngày 9 đến 14/9, 89% trong 18 nhà kinh tế cho rằng BOJ sẽ tăng lãi suất thêm 0,25% vào cuộc họp 18/09 tới. Nếu được thông qua, đây sẽ là mức lãi suất cao nhất của Nhật Bản trong khoảng ba thập kỷ, các nhà phân tích ủng hộ kịch bản tăng lãi suất dựa trên ba yếu tố chính, gồm lạm phát, tiền lương và áp lực ổn định tỷ giá.

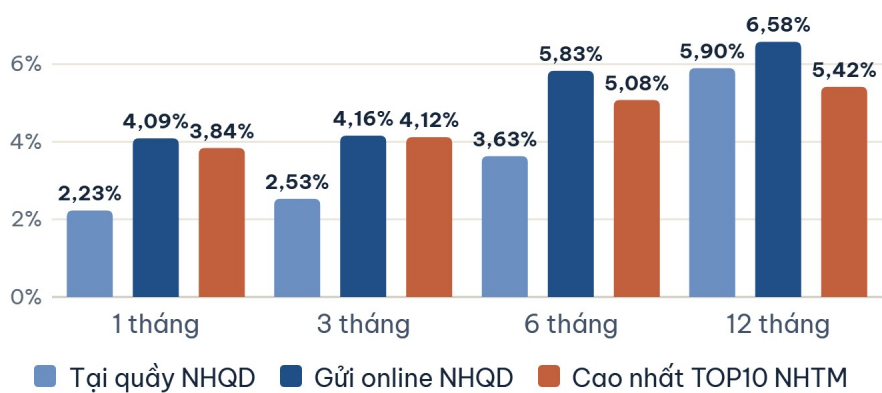
Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) tiếp tục giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản kỳ hạn một năm 3% và lãi suất 5 năm 3,5% trong suốt 15 tháng – phản ánh chính sách nới lỏng vừa phải nhưng thận trọng, do PBOC phải cân đối giữa việc hỗ trợ tăng trưởng (nhu cầu nội địa, thị trường bất động sản còn yếu) với áp lực lên tỷ giá đồng Nhân dân tệ và biên lãi ròng ngân hàng.

Lãi suất tiền gửi ngân hàng trong nước

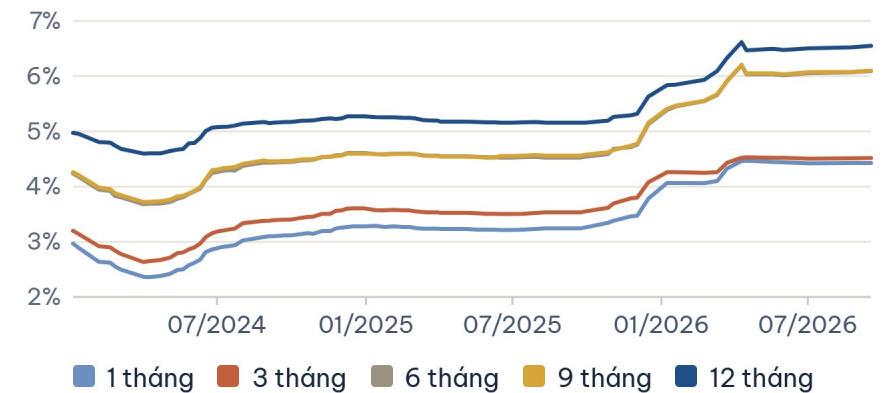
Lãi suất bình quân (%/năm)

Theo kỳ hạn

Cập nhật 15/09/2026



BQ lãi suất niêm yết tại các NHTM



Mặt bằng lãi suất huy động trong tháng 8/2026 không có biến động nhiều, đi ngang so với mặt bằng lãi suất trong tháng 7 và neo ở mức khá cao đối với các kỳ hạn dài với mức đỉnh phổ biến dao động từ 7% đến gần 8%/năm (kỳ hạn 6-12 tháng) cho các biểu lãi suất thông thường và thậm chí có thể lên tới 9-10%/năm kèm điều kiện tiền gửi số tiền cực lớn hoặc khách hàng lần đầu gửi tiền.

Lãi suất tiền gửi niêm yết tại các NHQD tiếp tục giữ nguyên ở mức thấp, lãi suất kỳ hạn 6-9 tháng quanh mức 3,5%/năm tại quầy, kỳ hạn 12 tháng khoảng 5,9%/năm. Tuy nhiên, lãi suất áp dụng gửi online, áp dụng cho khách hàng lớn, áp dụng theo deal hoặc các sản phẩm đặc thù ghi nhận mức cao hơn (như Vietcombank/Vietinbank áp dụng tới 7,4%-7,9% cho một số sản phẩm linh hoạt/chứng chỉ tiền gửi; lãi suất thực tế chi trả cho khách hàng doanh nghiệp ở Big4 cũng lên đến 8% kỳ hạn 12 tháng).

Đáng chú ý, ở nhóm NHTM cổ phần, đầu tháng 9 đã ghi nhận lãi suất niêm yết cao nhất kỳ hạn 12 tháng ở Sacombank 7,5%, LPBank 7,3%. Tuy nhiên thực tế lãi suất huy động mà các NHTM chi trả cho khách hàng có thể đàm phán ở mức lãi suất cao hơn niêm yết rất nhiều và áp dụng tùy kỳ hạn. Lãi suất tiền gửi kỳ hạn từ 6-12 tháng tại một số ngân hàng vừa và nhỏ thực tế lên đến 8,5-9,5% với khách hàng lớn, còn với mức lãi suất 8% có thể áp dụng luôn mà không kèm theo điều kiện đặc biệt đối với khách hàng.